

Số: /BC-CTK

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

A. KINH TẾ

I. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1. Trồng trọt

1.1. Cây hàng năm

Tính đến hết tháng 5/2023, diện tích gieo trồng vụ Xuân năm 2023 ước đạt gần 46 nghìn ha, giảm 1% so cùng kỳ. Trong đó, cây lương thực có hạt đạt 35,8 nghìn ha, giảm 1%; cây chất bột có củ đạt 682 ha, giảm 5,3%; cây công nghiệp hàng năm đạt 2,5 nghìn ha, giảm 7,9%; rau các loại đạt 4,9 nghìn ha, giảm 0,4%, đậu các loại đạt 646 ha, giảm 5,2%. Đối với cây lúa, hiện nay lúa trà xuân sớm và trà xuân trung đang trong giai đoạn chắc xanh, đổ đúi; lúa trà xuân muộn đang trong giai đoạn trổ bông, làm đòng.

Tính đến ngày 31/5/2023, tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân năm 2023 ước đạt trên 59,4 nghìn ha, giảm 0,9% so cùng kỳ năm trước¹. Trong đó, cây lương thực có hạt đạt 39,7 nghìn ha, bằng 103,4% kế hoạch và giảm 1% so với cùng kỳ²; rau các loại đạt 11,6 nghìn ha, bằng 101,9% kế hoạch và tăng 0,5% so cùng kỳ; cây chất bột có củ đạt 2,4 nghìn ha, giảm 8% so với cùng kỳ; cây công nghiệp hàng năm đạt 2,6 nghìn ha, giảm 8,2% so với cùng kỳ; đậu các loại đạt 674 ha, giảm 6,1% so với cùng kỳ.

1.2. Cây lâu năm

Cây chè: Trong tháng, các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố hướng dẫn các hộ nông dân chăm sóc cây chè mới trồng, tiếp tục triển khai thực hiện đăng ký trồng mới và trồng thay thế chè năm 2023; hướng dẫn các vườn ươm chè giống chăm sóc vườn ươm đảm bảo số lượng, chất lượng và cơ cấu giống năm 2023. Đồng thời, tiếp tục mở các lớp về kỹ thuật trồng, chăm sóc, theo dõi phòng trừ sâu bệnh hại và sản xuất theo quy trình VietGAP cho các hộ trồng chè trên địa bàn. Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất thâm canh chè, mô hình sản xuất chè an toàn theo quy trình VietGAP.

¹ Nguyên nhân chủ yếu giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang làm đường giao thông, khu công nghiệp.

² Diện tích cây lúa đạt 29 nghìn ha giảm 1% so cùng kỳ và đạt 103,3% so với kế hoạch; cây ngô đạt gần 10,7 nghìn ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ và đạt 103,7% so với kế hoạch.

Cây ăn quả: Tính đến thời điểm hiện tại, diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt 14 nghìn ha, tăng khoảng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, các địa phương đang tiếp tục triển khai cho các hộ dân đăng ký trồng cây ăn quả chủ lực như: Na, nhãn, bưởi và hướng dẫn người dân cải tạo một số diện tích trồng cây ăn quả kém hiệu quả, năng suất, giá trị thấp. Thời tiết đầu hè nắng nóng, một số cây ăn quả đang trong giai đoạn quả non như: Bưởi, cam, chanh, vải, xoài...

1.3. Tình hình sâu bệnh trên cây trồng

Công tác dự báo sâu hại trên cây trồng được ngành chức năng tiếp tục triển khai, đảm bảo phát hiện sớm, từ đó có các biện pháp phòng trừ hiệu quả. Theo báo cáo tình hình sâu bệnh trên cây trồng của ngành chức năng như sau:

- *Cây trồng hàng năm:* Khoảng 2,7 nghìn ha lúa bị chuột, sâu đục thân và bệnh khô vằn gây hại; khoảng 20 ha ngô nhiễm sâu bệnh gây hại như: Sâu keo mùa thu, rệp cò, sâu đục bắp, mật độ và tỷ lệ gây hại thấp.

- *Cây trồng lâu năm:* Tổng diện tích bị nhiễm bệnh trên cây chè khoảng 1.016 ha. Tuy nhiên mức ảnh hưởng không gây hại lớn đến năng suất và chất lượng chè. Đối với cây ăn quả, xuất hiện bệnh sương mai, bọ xít nâu và bệnh lông nhung ở cây nhãn, vải với diện tích nhiễm khoảng 4 ha và bệnh rệp sáp, nhện đỏ, bọ trĩ ở cây na.

2. Chăn nuôi

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm: Trong tháng 4/2023, phát sinh 02 ổ dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm là bệnh lở mồm, long móng gia súc, viêm da nổi cục trên trâu, bò tại huyện Đồng Hỷ. Các ổ dịch đã được các cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ các quy trình chống dịch theo quy định; đến nay, các ổ dịch đã cơ bản khống chế, không có hiện tượng lây lan ra diện rộng. Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm đợt I năm 2023 đang được triển khai tích cực, đảm bảo đúng kế hoạch đề ra; dự kiến hoàn thành trước 31/5/2023.

Về giá bán sản phẩm chăn nuôi: Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi tháng 5/2023 tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản phẩm chăn nuôi lợn tăng 1,1% so với tháng trước và giảm 11% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 2,6% so với cùng kỳ.

Cụ thể giá bán bình quân một số sản phẩm chăn nuôi như sau: Giá thịt lợn hơi khoảng 48,4 nghìn đồng/kg; giá lợn giống khoảng 98,5 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi khoảng 116 nghìn đồng/kg; giá thịt hơi gà công nghiệp lông trắng khoảng 30,7 nghìn đồng/kg.

3. Lâm nghiệp

Công tác phát triển rừng: Hiện nay, ngành kiểm lâm đang phối hợp với chính quyền các địa phương tiếp tục rà soát diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện để đăng ký trồng rừng; tuyên truyền trồng rừng gỗ lớn, thâm canh rừng và chuyển

hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn trên địa bàn toàn tỉnh; chuẩn bị cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2023. Tính đến ngày 18/5/2023, diện tích rừng trồng tập trung đạt 1.336,1 ha, bằng 38,9% kế hoạch và tăng 24,2% so với cùng kỳ. Ngoài ra, toàn tỉnh đã trồng được 710.994 cây xanh, trong đó, số cây xanh đã trồng trong dịp phát động “Tết trồng cây năm 2023” là 173.965 cây theo Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025.

Tình hình khai thác lâm sản: Tính từ đầu năm đến ngày 18/5/2023, sản lượng gỗ khai thác đạt 82,8 nghìn m³ và dự tính đến hết tháng 5/2023 sản lượng củi khai thác ước đạt 75,5 nghìn ster, tăng 2,1% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý bảo vệ rừng: Trong tháng 5/2023, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy rừng.

4. Thủy sản

Hiện nay, tổng diện tích mặt nước đưa vào sử dụng toàn tỉnh đạt trên 6 nghìn ha. Các cơ sở sản xuất giống trong tỉnh hiện đang tiếp tục nuôi vỗ cá bố mẹ, cho đẻ các loại cá chép, trắm cỏ, mè trắng, trôi trắng, cá rô phi...; ương cá từ cá bột lên cá hương các loại cá giống. Các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản tiếp tục chăm sóc, thu hoạch thủy sản, chuẩn bị ao hồ và thả giống cho vụ nuôi năm 2023. Các ngành chức năng của tỉnh tập trung kiểm tra, giám sát về chất lượng giống thủy sản, quản lý truy xuất nguồn gốc giống thủy sản để chất lượng giống đưa vào nuôi trồng tốt nhất, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong năm.

II. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong tháng 5/2023 vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn ở mức cao, thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu lớn bị thu hẹp, tiếp cận vốn, tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn, tác động không nhỏ đến kết quả sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2023 ước tăng 3,29% so với tháng trước và tăng 5,77% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 10,46% so với tháng trước và giảm 16,09% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,66% so với tháng trước và tăng 5,78% so với cùng kỳ; ngành sản xuất, phân phối điện giảm 10,16% so với tháng trước và giảm 16,82% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,66% so với tháng trước và tăng 26,5% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, IIP tăng 4,81% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 5,6%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,82%; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 7,77%; ngành ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 25,19%. Đây là năm có IIP 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ tăng thấp thứ 2 (*chỉ cao hơn năm 2020 giảm 8,33% do ảnh hưởng của dịch Covid-19*) trong vòng 05 năm trở lại đây.

IIP 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ giai đoạn 2019-2023

ĐVT: %

	2019	2020	2021	2022	2023
Toàn ngành	107,23	91,67	108,62	110,75	104,81
Khai khoáng	96,24	94,31	83,86	85,81	94,4
Chế biến, chế tạo	107,62	91,36	109,33	111,37	104,82
Phân phối và sản xuất điện	96,14	106,48	95,87	97,27	107,77
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	85,37	93,13	102,00	92,09	125,19

Những khó khăn mà các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nói riêng vẫn hiện hữu, chia sẻ với những khó khăn, thách thức của cộng đồng doanh nghiệp đang phải đối mặt, Chính phủ đã, đang và tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp³; ở địa phương với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, các cấp, các ngành tiếp tục đồng hành, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nói riêng phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch cả năm 2023 đã đề ra.

III. Thương mại, dịch vụ và giá tiêu dùng

1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước đạt 5.566,4 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 31,9% so với cùng kỳ.

Cụ thể chia theo ngành hoạt động như sau: Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 5/2023 ước đạt 3.944,2 tỷ đồng (*chiếm gần 71% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*), tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 24,1% so với cùng kỳ⁴. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, lữ hành ước đạt 980,8 tỷ đồng, tăng 1,2% so

³ Gần đây nhất là ngày 14/4/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2023/NĐ-CP về gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023.

⁴ Một số nhóm hàng có doanh thu tháng 5/2023 tăng trên 20% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm 1.454 tỷ đồng (+27,2%); hàng may mặc 249,2 tỷ đồng (+25,6%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 400,7 tỷ đồng (+24,6%); vật phẩm văn hoá, giáo dục 46,5 tỷ đồng (+56,7%); gỗ và vật liệu xây dựng 271,6 tỷ đồng (+39,2%); phương tiện đi lại 222,8 tỷ đồng (+21,3%); xăng dầu các loại 532 tỷ đồng (+28,1%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm 46,9 tỷ đồng (+33,1%); hàng hoá khác 246,7 tỷ đồng (+25,9%).

với tháng trước và tăng 91,3% so với cùng kỳ⁵. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 641,3 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 21,1% so với cùng kỳ⁶.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng ước đạt 28.017,1 tỷ đồng, tăng 41,1% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 1.049,7 tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 26.911,3 tỷ đồng, tăng 42,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 56,1 tỷ đồng, tăng 45,7%.

Chia theo ngành hoạt động cụ thể như sau: Tổng mức bán lẻ hàng hoá tính chung 5 tháng đầu năm 2023 ước đạt 19.884,4 tỷ đồng (*chiếm 71% tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*), tăng 28,1% so với cùng kỳ và tất cả các nhóm hàng hoá đều có doanh thu đạt cao hơn so với cùng kỳ⁷. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 4.797,5 tỷ đồng, gấp 2,7 lần cùng kỳ⁸. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 3.335,2 tỷ đồng, tăng 28,8% so với cùng kỳ⁹.

Quy mô và tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2023

	2019	2020	2021	2022	2023
Quy mô (Tỷ đồng)	14.566	15.236	18.025	19.860	28.017
Tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)	4,60	4,60	18,30	10,18	41,07

Với mục đích xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên với người tiêu dùng toàn quốc, từ ngày 19-23/5/2023 tại Quảng trường Võ Nguyên Giáp - TP Thái Nguyên đã diễn ra Hội chợ triển lãm Công Thương - OCOP Thái Nguyên 2023 với chủ đề “Thái Nguyên hội nhập và phát triển”. Hội chợ có quy mô trên 190 gian hàng của hơn 20 tỉnh, thành phố trong cả nước, các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, tập

⁵ Chia ra, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 42,2 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 920,7%, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 98,5% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 17,8 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 31,3% so với cùng kỳ.

⁶ Trong đó, một số nhóm dịch vụ tăng cao so với cùng kỳ như: Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 48,1 tỷ đồng, tăng 8% so với tháng trước và tăng 57,3% so với cùng kỳ; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 100,4 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 37,6% so với cùng kỳ; dịch vụ giáo dục và đào tạo ước đạt 14,3 tỷ đồng, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 16,9% so với cùng kỳ...

⁷ Trong đó, các nhóm hàng hoá có doanh thu tăng trên 30% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm 7.399,7 tỷ đồng (+32,8%); vật phẩm văn hoá, giáo dục 225,9 tỷ đồng (+42,6%); gỗ và vật liệu xây dựng 1.297,2 tỷ đồng (+37%); xăng dầu các loại 2.666,9 tỷ đồng (+41,1%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm 240,6 tỷ đồng (+34,6%); hàng hoá khác 1.289,1 tỷ đồng (+33,1%).

⁸ Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 204,5 tỷ đồng, gấp 2,4 lần cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống 4.507 tỷ đồng, gấp 2,7 lần cùng kỳ và doanh thu dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 85,9 tỷ đồng, gấp gần 4,2 lần cùng kỳ

⁹ Một số ngành dịch vụ có doanh thu ước tăng trên 30% so với cùng kỳ như: Dịch vụ giáo dục đào tạo 71,2 tỷ đồng (36,8%); dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 502,5 tỷ đồng (+40,3%); dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình 135,2 tỷ đồng (+31,4%); dịch vụ khác 485,3 tỷ đồng (+31,5%).

đoàn, công ty lớn trong và ngoài tỉnh với những sản phẩm đặc trưng tiêu biểu của địa phương, đơn vị... Hội chợ cũng là kênh giao lưu, giới thiệu, truyền thông về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa giữa tỉnh Thái Nguyên với các tỉnh, thành phố trong cả nước; là cơ hội tốt để các doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá thương hiệu, sản phẩm tới các tổ chức, nhà đầu tư trong và ngoài nước, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư phát triển; tăng cường liên doanh, liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, đây là một trong những hoạt động thiết thực, cụ thể hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 5/2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 3,44 tỷ USD, tăng 10,5% so với tháng trước và giảm 20,3% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá ước đạt trên 18 tỷ USD, giảm 23,2% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 5 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2023

	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1. Tổng kim ngạch XNK hàng hoá	Triệu USD	18.888	15.360	17.913	23.487	18.029
- Xuất khẩu	"	12.162	9.762	11.180,5	14.478	11.565
- Nhập khẩu	"	6.726	5.598	6.732	9.008	6.464
2. Chỉ số phát triển kim XNK hàng hoá (năm trước =100)	%	141,36	81,32	116,62	131,12	76,76
- Xuất khẩu	"	144,50	80,27	114,53	129,50	79,88
- Nhập khẩu	"	136,03	83,23	120,26	133,81	71,75
3. Giá trị xuất siêu	Triệu USD	5.435	4.164	4.448	5.470	5.101

2.1. Xuất khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước đạt 2.250,7 triệu USD, tăng 9,6% so với tháng trước và giảm 19,5% so với cùng kỳ. Phân theo khu vực kinh tế: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2.189,8 triệu USD (*chiếm tỷ trọng 97,3%*), tăng 9,8% so với tháng trước, giảm 19,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế trong nước ước đạt 60,9 triệu USD (*chiếm tỷ trọng 2,7%*), tăng 3,6% so với tháng trước và giảm 5,3% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 59,7 tỷ USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ.

Hầu hết các nhóm hàng hoá đều có giá trị xuất khẩu trong tháng 5/2023 ước đạt thấp hơn cùng kỳ như: Kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 26,4 triệu USD, giảm 6,9%; chè các loại đạt 0,15 triệu USD, giảm 13,7%; giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 0,3 triệu USD, giảm 15,7%; nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác đạt 2.123,4 triệu USD, giảm 19,6%; sản phẩm từ sắt thép đạt 2,5 triệu USD, giảm 30%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng hoá có giá trị xuất khẩu

trong tháng 5/2023 ước đạt cao hơn cùng kỳ như: Sản phẩm may đạt 44 triệu USD, tăng 17,1%; phụ tùng vận tải đạt 0,5 triệu USD, tăng 9,3%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 11.564,7 triệu USD, giảm 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Chia theo khu vực kinh tế, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 292 triệu USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 284,2 triệu USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 11.272,6 triệu USD (*chiếm 97,5% tổng kim ngạch xuất khẩu*), giảm 20,6% so với cùng kỳ¹⁰.

Hầu hết các nhóm hàng hoá xuất khẩu chủ yếu của tỉnh đều có giá trị xuất khẩu tính chung 5 tháng đầu năm 2023 giảm sâu so với cùng kỳ như: Nhóm điện thoại, máy tính bảng và sản phẩm điện tử khác ước đạt 10.920,4 triệu USD (*chiếm 94,4% tổng kim ngạch xuất khẩu*), giảm 20,3%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 109,1 triệu USD, giảm 19,3%; sản phẩm từ sắt thép đạt 14,3 triệu USD, giảm 21%; giấy và các sản phẩm từ giấy 1,5 triệu USD, giảm 12%; chè các loại đạt 0,6 triệu USD, giảm 30,6%; giấy và các sản phẩm từ giấy 1,5 triệu USD, giảm 12%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng hoá có giá trị xuất khẩu tính chung 5 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ như: Sản phẩm may đạt 218 triệu USD, tăng 19,6%; phụ tùng vận tải đạt 2,9 triệu USD, tăng 13,4%.

2.2. Nhập khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước đạt 1.189 triệu USD, tăng 12,1% so với tháng trước và giảm 21,9% so với cùng kỳ. Chia theo khu vực kinh tế, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 38,1 triệu USD, tăng 3,9% so với tháng trước và giảm 7,5% so với cùng kỳ¹¹; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1.150,9 triệu USD, tăng 12,4% so với tháng trước và giảm 22,3% so với cùng kỳ.

Xuất khẩu hàng hoá gặp khó khăn nên nhu cầu đối với hàng hoá nhập khẩu phục vụ sản xuất cũng giảm sâu so với cùng kỳ. Ngoài 03 nhóm hàng hoá có giá trị xuất khẩu tháng 5/2023 ước tính đạt cao hơn cùng kỳ là: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 11 triệu USD, tăng 12,3%; vải các loại 16,4%, tăng 10,8%; nguyên phụ liệu dệt may 7 triệu USD, tăng 19,3% thì các nhóm hàng hoá nhập khẩu chủ yếu của tỉnh trong tháng 5/2023 ước tính đều giảm so với cùng kỳ như: Nguyên liệu và linh kiện điện tử (*chiếm 95,4% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá*) ước đạt 1.105,1 triệu USD, giảm 22,7%; sản phẩm từ sắt thép 2,4 triệu USD, giảm 44,6%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc 3,8 triệu USD, giảm 35,5%; giấy các loại đạt 0,6 triệu USD, giảm 33,4%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu 7,2 triệu USD, giảm 22,8%.

¹⁰ Trong đó, điện thoại thông minh đạt 2.808,4 triệu USD, giảm 0,9%; máy tính bảng đạt 844,4 triệu USD, giảm 35%; sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 7.267,6 triệu USD, giảm 24,1%.

¹¹ Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 2,6 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng trước và giảm 39,1% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 35,5 triệu USD, tăng 3,9% so với tháng trước và giảm 3,9% so với cùng kỳ.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 6.463,8 triệu USD, giảm 28,2% so với cùng kỳ. Chia theo khu vực kinh tế, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 186,8 triệu USD, tăng 4,4%¹²; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 6.277 triệu USD, giảm 28,9%.

Một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu tính chung 5 tháng đầu năm 2023 ước tăng so với cùng kỳ như: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 27 triệu USD, tăng 28,5%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 38,8 triệu USD, tăng 11,2%; nguyên phụ liệu dệt may đạt 31,2 triệu USD, tăng 9%; vải các loại đạt 71,7 triệu USD, tăng 8,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 57,7 triệu USD, tăng 3,7%; vải các loại 71,7 triệu USD, tăng 8,3%. Còn lại, các nhóm hàng khác đều có giá trị nhập khẩu giảm so với cùng kỳ như: Sản phẩm từ sắt thép đạt 14,2 triệu USD, giảm 18,3%; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 5.990,4 triệu USD (*chiếm 92,7% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá*), giảm 29,7%; sản phẩm từ sắt thép 14,2 triệu USD, giảm 18,3%; giấy các loại 2,4 triệu USD, giảm 30,3%.

3. Vận tải, kho bãi

Doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh tháng 5/2023 ước đạt 598,9 tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 433,9 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 111,5 tỷ đồng, tăng 4,7% so với tháng trước và tăng 37,1% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 53,4 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ¹³.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 2.942,9 tỷ đồng, tăng 31,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 538,9 tỷ đồng, tăng 54,5%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.135,4 tỷ đồng, tăng 27%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 268,6 tỷ đồng, tăng 27,7%¹⁴.

Vận tải hành khách: Khối lượng vận chuyển hành khách tháng 5/2023 ước đạt 2,7 triệu lượt hành khách, tăng 4,9% so với tháng trước và tăng 31,5% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 123,4 triệu lượt hành khách.km, tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 31,7% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 12,7 triệu lượt hành khách, tăng 47,8% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 586,2 triệu lượt hành khách.km, tăng 49,1%.

¹² Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 13,8 triệu USD, giảm 15,4%; khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 173 triệu USD, tăng 6,4%.

¹³ Trong đó doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 41,6 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 4% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 11,8 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ.

¹⁴ Trong đó, doanh thu hoạt động kho bãi, hỗ trợ vận tải ước đạt 208,5 tỷ đồng, tăng 27,1%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 60,1 tỷ đồng, tăng 29,8%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển hàng hóa tháng 5/2023 ước đạt 4,9 triệu tấn, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 201,9 triệu tấn.km, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 15,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023 khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 23,5 triệu tấn, tăng 20,6%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 974,4 triệu tấn.km, tăng 23% so với cùng kỳ.

4. Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2023 chịu tác động của các yếu tố như: Nhà nước điều chỉnh giá xăng, dầu nên chỉ số giá nhóm giao thông giảm so với tháng trước; giá một số mặt hàng biến động theo mùa như: đồ uống và thuốc lá, văn hoá, giải trí và du lịch... Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2023 giảm 0,04% so với tháng trước, giảm 0,57% so với cùng kỳ và giảm 2,19% so với tháng 12/2022.

So với tháng trước, CPI giảm 0,04%. 04 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,45% (do giá thuốc lá giảm 2,19%); nhóm giao thông giảm 2,79% (do Nhà nước điều chỉnh giảm giá xăng dầu các ngày 4/5, 11/5 và 22/5 nên giá xăng giảm 7,79%, giá dầu diesel giảm 7,87%); nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,01%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,2% (giá nhóm hoa, cây cảnh vật cảnh giảm 3,63% theo mùa). Các nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng là: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,67% (do giá nhóm thực phẩm tăng 0,92%, giá nhóm lương thực tăng 0,09%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,27% (do giá điện sinh hoạt tăng 1,22%; giá gas tăng 0,29%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,04% (do tăng giá một số thiết bị điện theo mùa); nhóm giáo dục tăng 0,02% (do giá nhóm đồ dùng học tập và văn phòng phẩm tăng 0,11%); nhóm may mặc, mũ, nón, giày dép tăng 0,01%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,01% (do giá trang sức tăng 1,89% theo giá vàng). Nhóm duy nhất có chỉ số giá ổn định là nhóm thuốc và dịch vụ y tế.

So với cùng kỳ (tháng 5/2022), CPI tháng 5/2023 giảm 0,57%. 4/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm giao thông giảm 10,44% (do giá xăng giảm 26,53% và giá dầu diesel giảm 30,25%) làm CPI chung giảm 1,09 điểm phần trăm; nhóm bưu chính, viễn thông giảm 1,59% (do giá nhóm thiết bị điện thoại di động giảm 5,61%); nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,35% (do nhóm quần áo may sẵn giảm 1,1%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,11% (giá gas đun giảm 17,92% do giá gas thế giới giảm). 7/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Nhóm giáo dục tăng 3,13% (do giá dịch vụ giáo dục tăng 3,51% theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ), làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,2% (do giá nhóm lương thực tăng 2,07%; giá nhóm thực phẩm

tăng 1%); nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,01% (do giá du lịch trọn gói tăng 10,86%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,85% (giá nhóm bia các loại tăng 2,4%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,78% (giá nhóm dụng cụ y tế tăng 3,12%; giá nhóm thuốc tăng 2,68%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,52% (giá nhóm dịch vụ hi tăng 2,62%; nhóm dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 1,08%; nhóm đồ dùng cá nhân tăng 0,22%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,50% (do giá nhóm đồ dùng trong nhà tăng 1,44%; giá nhóm dịch vụ trong gia đình tăng 1,16%).

So với tháng 12 năm trước (tháng 12/2023), CPI tháng 5/2023 giảm 2,19%. 5/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm giáo dục giảm 38,49%, tác động làm CPI chung giảm 1,63 điểm phần trăm; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,96%; nhóm may mặc mũ nón, giày dép giảm 0,83%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,77%. 6/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,7%; nhóm giao thông tăng 0,7%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,36%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,30%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,23%; nhóm thiết bị và đồ dùng tăng 0,13%.

CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2023 tăng 1,85% so với bình quân cùng kỳ (bình quân 5 tháng đầu năm 2022). Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tính chỉ số giá, chỉ có 02 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm giao thông giảm 5,5% (do giá nhóm nhiên liệu giảm 14,95%), làm CPI chung giảm 0,57 điểm phần trăm; nhóm bưu chính, viễn thông giảm 1,24%, làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm. 09 nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng, trong đó, tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 38,12% (do giá học phí tăng), đóng góp 1,61 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung; tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,31% (do giá nhóm lương thực tăng 2,75%, giá nhóm thực phẩm tăng 2,11%, kéo theo giá nhóm dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 2,9%), đóng góp 0,79 điểm phần trăm trong mức tăng CPI chung; các nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại có mức tăng chỉ số giá thấp hơn mức tăng CPI chung là: Nhóm đồ uống và thuốc lá (+1,57%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,12%); 07 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ khác (+0,89%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,82%); nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,59%); nhóm văn hoá, giải trí và du lịch (+0,45%); nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (+0,11%).

IV. Tài chính, ngân hàng và đầu tư

1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

1.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 4 tháng đầu năm 2023 đạt 5.248,7 tỷ đồng, bằng 73,1% so với cùng kỳ và bằng 26,2% dự toán cả năm. Trong đó, thu nội địa đạt 4.529,7 tỷ đồng, bằng 76% so với cùng kỳ và đạt 26,8% dự toán cả

năm; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 691,6 tỷ đồng, bằng 57,9% cùng kỳ và đạt 22,4% dự toán cả năm.

Trong thu nội địa, có 5/15 khoản thu đạt cao hơn so với cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt 341,5 tỷ đồng, tăng 7,6%; thu khác ngân sách đạt 118,4 tỷ đồng, tăng 19,9%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 46,1 tỷ đồng, gấp 3 lần so cùng kỳ; thu hoạt động xổ số đạt 6,6 tỷ đồng, tăng 43,8%; thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác đạt 3,4 tỷ đồng, tăng 197,6%. Còn lại 10/15 khoản thu giảm so cùng kỳ là: Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 3,2 tỷ đồng, giảm 32,9%; thu phí, lệ phí đạt 86,9 tỷ đồng giảm 4,8%; thu tiền cho thuê đất đạt 89,6 tỷ đồng, giảm 62,4%; thu lệ phí trước bạ đạt 157,1 tỷ đồng giảm 8,5%; thu tiền cấp quyền sử dụng đất đạt 390,1 tỷ đồng giảm 73,9%; thuê thu nhập cá nhân đạt 547,2 tỷ đồng giảm 16,8%; thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 698 tỷ đồng, giảm 0,5%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.942 tỷ đồng, giảm 1,9%.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 15/5/2023 đạt 5.420 tỷ đồng, bằng 27,1% dự toán; trong đó, thu nội địa đạt 4.657 tỷ đồng, bằng 27,5% dự toán; thu xuất nhập khẩu đạt 762,3 tỷ đồng, bằng 24,6% dự toán.

1.2. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương 4 tháng đầu năm 2023 đạt 3.690,4 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và bằng 19,4% dự toán cả năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 967,9 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ và bằng 14,8% dự toán; chi thường xuyên đạt 2.393,3 tỷ đồng (*chiếm 71% trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương*), tăng 8% so cùng kỳ và bằng 26,4% dự toán cả năm.

Trong chi thường xuyên, có 02 khoản chi 4 tháng đầu năm 2023 đạt thấp hơn cùng kỳ là: Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 131,7 tỷ đồng, giảm 12,4%; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 34 tỷ đồng, giảm 27,7%. Còn lại 9 khoản chi 4 tháng đầu năm 2023 đạt cao hơn cùng kỳ là: Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 1.088,4 tỷ đồng, tăng 14,8%; chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao đạt 47,1 tỷ đồng, tăng 30,6%; chi khác ngân sách đạt 28,5 tỷ đồng, tăng 31,1%; các khoản chi tăng từ 5 đến 10% so với cùng kỳ là: Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 15,7 tỷ đồng, tăng 5,8%; chi quốc phòng an ninh đạt 109,9 tỷ đồng, tăng 5,3%; chi sự nghiệp kinh tế đạt 120 tỷ đồng, tăng 10%; chi quản lý hành chính đạt 627,2 tỷ đồng, tăng 5%; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 28,1 tỷ đồng, tăng 4%; chi đảm bảo xã hội đạt 162,8 tỷ đồng, tăng 2,2%.

2. Hoạt động ngân hàng

Về tình hình thực hiện lãi suất: Trên cơ sở bám sát diễn biến thực tế và tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, giảm lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và người dân, trong tháng 3/2023, Ngân hàng Nhà nước đã 02 lần quyết định điều chỉnh một số mức lãi suất vào ngày 15/3/2023 và 31/3/2023, cụ thể như sau:

- Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3,5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ 7,0%/năm xuống 6,0%/năm.

- Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng là 0,5%/năm; mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi từ 01 tháng đến dưới 06 tháng là 5,5%/năm, riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô tối đa là 6%/năm.

- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng Việt Nam đồng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 5,5%/năm xuống 4,5%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng Việt Nam đồng của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 6,5%/năm xuống 5,5%/năm.

Về hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến thời điểm 30/4/2023 đạt 95,8 nghìn tỷ đồng, giảm 0,09% so với thời điểm 31/12/2022. Nguyên nhân giảm nguồn vốn huy động là do Công ty Samsung điện cơ (mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Shinhan chi nhánh Thái Nguyên) sử dụng nguồn vốn để thanh toán tiền hàng.

Ước tính đến thời điểm 31/5/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 96,2 nghìn tỷ đồng, tăng 0,31%% so với thời điểm 31/12/2022.

Về hoạt động tín dụng: Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến thời điểm 30/4/2023 đạt 84,3 tỷ đồng, tăng 1,72% so với thời điểm 31/12/2022. Ước tính đến thời điểm 31/5/2023, dư nợ cho vay đạt 84,7 tỷ đồng, tăng 2,22% so với thời điểm 31/12/2022.

Nợ xấu là 934 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,11%/tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP:

- *Triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại:* Đến thời điểm 19/5/2023, có 06 chi nhánh ngân hàng thương mại đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho 37 khách hàng với doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất đạt 2.329 tỷ đồng, dư nợ được hỗ trợ lãi suất đạt 1.282 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 8,26 tỷ đồng.

- *Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội:* Doanh số cho vay các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến 19/5/2023 là 221,25 tỷ đồng, đạt 86,86% kế hoạch giao (*kế hoạch Trung ương giao các chương trình trong 02 năm (2022-2023) là 254,73 tỷ đồng*). Trong đó:

+ Cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là 170 tỷ đồng với 2.947 khách hàng vay vốn, đạt 100% kế hoạch giao.

+ Cho vay nhà ở xã hội là 25,67 tỷ đồng với 80 khách hàng vay vốn, đạt 50,78% kế hoạch giao.

+ Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến là 9,486 tỷ đồng với 680 khách hàng vay vốn, đạt 99,79% kế hoạch giao.

+ Cho vay đối với cơ sở mầm non, tiểu học ngoài công lập là 2,1 tỷ đồng với 20 khách hàng, đạt 100% kế hoạch giao. Doanh số thu nợ là 200 triệu đồng. Dư nợ đến 19/5/2023 là 1,924 tỷ đồng.

+ Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 13,98 tỷ đồng với 348 khách hàng, đạt 61,97% kế hoạch giao.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý: Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 5/2023 ước đạt 699,8 tỷ đồng, tăng 44,5% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 357,8 tỷ đồng (*chiếm 51,1%*), tăng 21,2% so với tháng trước và giảm 1,2% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 326,9 tỷ đồng (*chiếm 46,7%*), tăng 82,8% so với tháng trước và tăng 40,2% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 15 tỷ đồng (*chiếm 2,2%*), tăng 49,7% so với tháng trước và tăng 0,3% so với cùng kỳ.

Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 5/2023, vốn đầu tư thực hiện nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.250,2 tỷ đồng (*bằng 26,7% kế hoạch*), tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.292,4 tỷ đồng (*bằng 35,6% kế hoạch*), tăng 10,8% so với cùng kỳ; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 908,4 tỷ đồng (*bằng 20,1% kế hoạch*), tăng 23,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt gần 49,4 tỷ đồng (*bằng 18,3% kế hoạch*), giảm 15,4%.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến thời điểm 30/4/2023, trên địa bàn tỉnh giải ngân vốn đầu tư công được gần 1.335,5 tỷ đồng, đạt 16,2% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 15,6% kế hoạch địa phương giao. Trong đó, thanh toán vốn kế hoạch năm được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định là 64.315 triệu đồng, đạt 33,6% kế hoạch vốn giao. Dự ước thanh toán vốn từ đầu năm đến hết 31/5/2023, toàn tỉnh giải ngân được 2.055 tỷ đồng, đạt 24,9% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 24% kế hoạch địa phương giao.

Tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án trên địa bàn: Dự án tuyến đường liên kết vùng, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc có tổng mức đầu tư 4.204 tỷ đồng, với tổng chiều dài 42,55 km (*gồm tuyến chính dài 36,51km, đoạn nối tới tỉnh Vĩnh Phúc và đường tỉnh 216 dài 6,04km*). Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 30/4/2023, tiến độ giải ngân đạt 17% kế hoạch vốn giao năm 2023. Về tiến độ triển khai thi công đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đã được chủ đầu tư được nhận

bàn giao khoảng 70%; thi công xây dựng nền đường, đào lấp đạt khoảng 70%. Hiện nay, đang thi công 6/11 cầu, 13/28 hầm chui dân sinh, 36/191 cống ngang và tường chắn Km24+050-Km24+195 trên tuyến.

Dự án đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (*đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang*) với tổng mức đầu tư trên 699,35 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 30/4/2023, tiến độ giải ngân đạt 38,16% kế hoạch vốn giao năm 2023. Về tiến độ triển khai thi công đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đã thu hồi 26,5 ha đất, 475/607 hộ và 68/68 ngôi mộ phải di dời (*UBND huyện Phú Bình đã phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng 42,18 tỷ đồng, hiện đã chi trả được 41,68 tỷ đồng*); thi công xây dựng, dự án có 02 gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng từ 02/01/2023 và đã triển khai thi công được 450 ngày.

Dự án đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (*đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu*) với tổng mức đầu tư 952,813 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 30/4/2023, tiến độ giải ngân đạt 37,6% kế hoạch vốn giao năm 2023.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tình hình lao động - việc làm

Để triển khai có hiệu quả công tác xuất khẩu lao động, ngành chức năng của tỉnh đã xây dựng dự thảo Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới trình UBND tỉnh phê duyệt; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra, ngành chức năng của tỉnh cũng đã phối hợp với Trung tâm lao động ngoài nước triển khai các nội dung của Chương trình EPS: Đăng ký dự thi tiếng Hàn năm 2023, hướng dẫn người lao động hoàn thiện hồ sơ sau khi trúng tuyển 02 vòng thi tiếng Hàn, hoàn thiện hồ sơ xin cấp visa, lao động xuất cảnh đi làm việc theo hợp đồng lao động tại Hàn Quốc.

Theo khảo sát của Cục Thống kê về tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp, mặc dù số lao động đang làm việc tại thời điểm 01/5/2023 tăng 1,17% so với cùng thời điểm tháng trước nhưng vẫn giảm 11% so với cùng kỳ. Chia theo ngành hoạt động, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 4,92% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 11,05% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,81% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 24,5% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 8,47% so với cùng kỳ. Chia theo ngành hoạt động, lao động trong doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 2,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

giảm 8,67%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 1,58%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 8,94% so với cùng kỳ.

2. Hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao và du lịch

Trong tháng 5/2023, tỉnh đã tổ chức thành công chương trình Khai mạc mùa du lịch Thái Nguyên 2023 với chủ đề “Trải nghiệm xứ Trà, đậm đà bản sắc”. Đây là một trong những sự kiện quan trọng nhằm giới thiệu, quảng bá vùng đất, con người xứ Trà tươi đẹp, giàu bản sắc văn hóa; với các hoạt động phong phú, đa dạng, sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, Mùa du lịch Thái Nguyên năm 2023 sẽ để lại những ấn tượng tốt đẹp, lan tỏa trong cộng đồng và du khách thập phương, là điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện của du khách.

Trong tháng, ngành chức năng của tỉnh cũng đã hướng dẫn các địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng kỷ niệm 69 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2023), 76 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh về ATK Định Hóa cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (20/5/1947 -20/5/2023); 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023); 80 năm Đề cương văn hóa Việt Nam (1943-2023). Tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền, quảng bá văn hóa, du lịch Thái Nguyên trên website Du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh và các kênh trên nền tảng mạng xã hội.

Về bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá: Ngành chức năng của tỉnh đã hướng dẫn UBND huyện Phú Bình hoàn thiện thủ tục hồ sơ phục vụ công tác thẩm định thiết kế Báo cáo kinh tế kỹ thuật tu bổ, tôn tạo các hạng mục thuộc di tích chùa Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn; hướng dẫn UBND thành phố Thái Nguyên thực hiện hồ sơ thủ tục điều chỉnh mở rộng diện tích khoanh vùng bảo vệ và thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật tu bổ di tích địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên. Tiếp tục tổ chức truyền dạy một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và một số loại hình dân ca, dân vũ, dân nhạc, nghi lễ truyền thống tiêu biểu, đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đại Từ...

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng nông thôn mới, công tác gia đình: Trong tháng, ngành chức năng của tỉnh đã hướng dẫn thực hiện quy định về phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh trong xét, đề nghị công nhận cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tổ chức 02 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng quản lý và duy trì hoạt động câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình cho 150 học viên.

Hoạt động bảo tàng: Hoàn thiện công tác sưu tầm đợt I chủ đề “Sưu tầm tài liệu hiện vật về văn hoá các dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”; phối hợp tổ chức trưng bày triển lãm chủ đề 80 năm Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2023). Trong tháng 5/2023, Bảo tàng tỉnh đón tiếp 3.580 lượt khách tham quan

tại Không gian văn hóa Trà Tân Cương và 02 phòng trưng bày chuyên đề “Bác Hồ với Thái Nguyên, Di sản văn hóa Thần Sa và tiềm năng thiên nhiên”.

Hoạt động khu di tích lịch sử và sinh thái ATK - Định Hóa: Trong tháng 5/2023, Ban Quản lý Khu Di tích lịch sử và Sinh thái ATK Định Hóa đón tiếp 331 đoàn với trên 22 nghìn lượt khách dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham quan các di tích.

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng: Tổ chức 36 buổi chiếu phim; trong đó có 04 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị; 20 buổi phục vụ đối tượng chính sách; 12 buổi phục vụ nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa.

Hoạt động thư viện: Cấp 31 thẻ bạn đọc, phục vụ 3.650 lượt bạn đọc; luân chuyển 7.825 lượt sách báo; phục vụ 120 lượt bạn đọc đến tìm hiểu, học tập, tra cứu thông tin tại phòng Internet; trên 10.200 lượt truy cập website của Thư viện tỉnh. Thực hiện 04 cuộc giới thiệu sách trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh. Lược thuật báo Trung ương viết về Thái Nguyên tháng 5/2023, in và phát hành 90 bản lược thuật thông tin tháng 4/2023. Tiếp tục triển khai Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Thái Nguyên năm 2023 theo kế hoạch.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật và xây dựng văn hóa cơ sở: Tổ chức 08 buổi biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ Nhân dân. Tham gia cuộc thi Tài năng diễn viên sân khấu chèo toàn quốc; kết quả đạt 01 giải Nhì; 01 giải Diễn viên tài năng trẻ. Tổ chức khai mạc 02 điểm mô hình, mẫu hình văn hóa tại huyện Định Hóa và huyện Đông Hỷ; tổ chức 03 buổi tuyên truyền lưu động; tham gia liên hoan Ca khúc cách mạng, kết quả đạt 01 huy chương Bạc chương trình và 01 huy chương Vàng, 02 huy chương Bạc tiết mục; tham gia Hội thi tuyên truyền lưu động “Biển và Hải đảo Việt Nam”.

Công tác đào tạo học sinh năng khiếu thể dục thể thao: Tiếp tục triển khai công tác đào tạo học sinh năng khiếu thể thao; chuẩn bị các điều kiện tập luyện, tham gia thi đấu các giải thể thao theo kế hoạch.

Thể thao thành tích cao: Duy trì tập luyện thường xuyên của các đội tuyển thể dục thể thao. Các đội tuyển tham gia thi đấu các giải toàn quốc, tính đến hết ngày 18/5/2023 đạt 33 huy chương (gồm 13 HCV, 04 HCB, 16 HCD), trong đó đạt 01 huy chương Vàng, 01 huy chương Đồng tại giải Vô địch thế giới Muay; 06 huy chương Vàng và 04 huy chương Đồng tại SEA Games 32.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến, tư vấn thông tin du lịch: Tiếp tục duy trì hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch Thái Nguyên trên Website du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội¹⁵. Tổ chức gian hàng quảng bá du lịch Thái Nguyên tại Lễ hội văn hóa ẩm thực ba miền Bắc - Trung - Nam năm 2023 tại tỉnh Hà Giang.

¹⁵ Trong tháng 5/2023 Website Du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh, Zalo official account đăng tải 17 tin, bài viết, 66 ảnh, thu hút được 134.000 lượt truy cập và trên 5.200 lượt xem bài

3. Tình hình thực hiện chính sách xã hội

Lĩnh vực giảm nghèo và công tác bảo trợ xã hội: Ngành chức năng đã ban hành Kế hoạch và thực hiện giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 6 tháng năm 2023 và thực hiện giám sát trực tiếp tại TP Phổ Yên và TP Thái Nguyên. Triển khai các hoạt động của Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 15/5/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam” năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đôn đốc các huyện, thành phố cập nhật dữ liệu bảo trợ xã hội và thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến.

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công: Tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày 19/5/2023 ngành chức năng đã giải quyết chế độ mai táng phí cho 29 trường hợp theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ và Nghị định của Chính phủ với tổng số tiền là 432 triệu đồng; có 112 quyết định chấm dứt và trợ cấp mai táng phí trong đó 09 trường hợp có tuất hàng tháng; 103 trường hợp không có tuất; 17 quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ... Xây dựng dự thảo Kế hoạch thăm, tặng quà nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2023); xây dựng phương án chi trả trợ cấp ưu đãi người có công qua hệ thống Bưu điện và xây dựng lộ trình triển khai chi trả không dùng tiền mặt đối với các đối tượng người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức đưa 480 người có công, thân nhân người có công đi điều dưỡng tập trung tại thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tổ chức điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng người có công của tỉnh cho 350 đối tượng trên địa bàn TP Phổ Yên.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Ngành chức năng đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2023 với chủ đề “Chung tay giảm thiểu tổn hại trẻ em”, ban hành Kế hoạch thăm, tặng quà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân ngày quốc tế thiếu nhi 01/6/2023.

Tiếp nhận 06 hồ sơ trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động các nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí phẫu thuật. Thực hiện phẫu thuật cho trẻ em bị khuyết tật hệ vận động có chỉ định phẫu thuật sau chương trình khám sàng lọc.

4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác khám, chữa bệnh: Trong tháng, nhìn chung ngành y tế đảm bảo triển khai tốt các chương trình y tế và các nhiệm vụ chuyên môn khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ y tế, các hoạt động chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh như: Kê đơn bằng hình thức điện tử, liên thông dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe, các cơ sở y tế, bệnh viện sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh, các cơ sở y tế khai báo lưu trú trên ứng dụng định danh quốc gia VneID để

viết. Fanpage facebook đăng tải 24 tin, bài, 07 video kèm 95 ảnh, thu hút được trên 61.800 lượt tiếp cận; biên tập xây dựng 02 video clip đăng tải lên Youtube, thu hút được trên 1.700 lượt xem; Tiktok thu hút được gần 10.000 lượt xem.

phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm, quản lý cư trú. Tiếp tục cải cách hành chính trong khám chữa bệnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế.

Tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch, bệnh Covid-19: Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 23/5/2023 toàn tỉnh ghi nhận 4.554 trường hợp mắc Covid 19, không có trường hợp tử vong; trong đó, riêng từ ngày 01/5/2023 đến ngày 23/5/2023 có 2.804 ca mắc Covid -19. Lũy tích từ đầu dịch đến nay toàn tỉnh ghi nhận 347.702 trường hợp, tử vong 118 trường hợp.

Công tác triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 (tính đến ngày 23/5/2023): Tổng số liều tiêm vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 3,3 triệu liều, chia theo đối tượng như sau:

Người từ 18 tuổi trở lên (892.803 người): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 887.328 người (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 886.566 người (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 694.637 liều/786.658 người (đạt 88,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 2: 242.654 liều/255.068 người (đạt 95,1%).

Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi (116.561 trẻ): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 115.836 trẻ (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 115.758 trẻ (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 98.643 liều/114.272 trẻ (đạt 86,3%).

Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi (160.179 trẻ): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 156.818 trẻ (đạt 97,9%); số tiêm 2 mũi: 140.420 trẻ (đạt 87,7%).

Tình hình các bệnh truyền nhiễm khác: Trong kỳ báo cáo (từ ngày 21/4/2023 đến ngày 20/5/2023) toàn tỉnh có 02 ca sốt xuất huyết; 10 ca tay chân miệng; 02 ca quai bị; 01 ca sốt phát ban dạng sởi/rubella ; 01 ca liên cầu lợn và 185 ca thủy đậu, trong đó, tính riêng trong tháng 5 (từ ngày 01/5 đến ngày 20/5/2023) toàn tỉnh có 03 ca tay chân miệng. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/5/2023, số ca quai bị là 12; tay chân miệng là 49; sốt xuất huyết là 13 ca và thủy đậu là 367 ca. So với cùng kỳ, số ca quai bị tăng 2 ca; tay chân miệng tăng 10 ca; sốt xuất huyết tăng 02 ca và thủy đậu tăng 185 ca.

Tình hình lây nhiễm HIV/AIDS: Lũy tích đến ngày 30/4/2023 số người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh là 9.177 người, giảm 73 người so với cùng kỳ năm 2022. Số tử vong do HIV/AIDS là 4.677 người, tăng 152 người so với cùng kỳ năm 2022. Riêng trong tháng 4/2023 phát hiện mới 4 người nhiễm; 14 trường hợp tử vong do HIV/AIDS. So với cùng kỳ số người nhiễm mới giảm 10 người và số trường hợp tử vong do HIV/AIDS tăng 11 người.

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm: Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể.

5. Giáo dục, đào tạo

Trong tháng 5/2023, ngành Giáo dục của tỉnh đã thực hiện nghiêm túc khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 và triển khai nghiêm túc Chỉ thị năm học 2022- 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của UBND tỉnh. Tích cực triển khai các kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đảm bảo theo đúng khung kế hoạch thời gian năm học. Thực hiện tốt các kế hoạch của chương trình giáo dục

phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 6, 7, 10 năm học 2022-2023 và triển khai các kế hoạch đối với lớp 4, lớp 8 và lớp 11 năm học 2023-2024.

Ngành Giáo dục cũng đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thành chương trình học của học kỳ II, tổ chức kiểm tra học kỳ II trong hai tuần đầu của tháng 5, sau khi kiểm tra học kỳ các nhà trường tiếp tục dạy học, hoàn thành chương trình năm học. Hướng dẫn các đơn vị, nhà trường báo cáo tổng kết năm học; tổng kết công tác thi đua, khen thưởng. Tổ chức Hội nghị của Ban chỉ đạo các kỳ thi của tỉnh để triển khai các nội dung chuẩn bị cho Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024 và Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 của tỉnh Thái Nguyên.

Công tác đầu tư, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Tính đến thời điểm 15/5/2023 toàn tỉnh hiện có 602/683 trường học các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 88,14%; trong đó, cấp mầm non có 210/248 đạt tỷ lệ 84,68%, cấp tiểu học có 203/210 đạt tỷ lệ 96,67%, cấp trung học cơ sở có 166/192 đạt tỷ lệ 86,46%, cấp trung học phổ thông có 23/33 đạt tỷ lệ 69,7%.

6. Tình hình trật tự, an toàn giao thông

Tình hình tai nạn giao thông: Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tháng 5/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông làm 01 người chết và 12 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, số vụ và số người chết tương đương nhưng tăng 04 người bị thương (+50%). Tai nạn liên quan đến ô tô là 02 vụ (chiếm 25%); liên quan đến mô tô 04 vụ (chiếm 50%), liên quan đến phương tiện khác 02 vụ (chiếm 25%). Giá trị thiệt hại tài sản ước tính khoảng 215 triệu đồng.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 22 vụ tai nạn giao thông làm 02 người chết và 23 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm 20 vụ tai nạn (-47,6%), giảm 10 người chết (-83,3%) và giảm 15 người bị thương (-39,5%).

Tình hình trật tự, an toàn giao thông đường sắt, đường thủy nội địa ổn định, không xảy ra tai nạn.

Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông: Trong tháng, trên đường bộ ngành chức năng của tỉnh đã kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm 3.747 trường hợp; tước 985 giấy phép lái xe; tạm giữ 56 xe ô tô, 1.570 xe mô tô, 03 phương tiện khác; số tiền xử phạt vi phạm là 7.327,3 triệu đồng.

Không xảy ra tạt nạn giao thông trên đường sắt.

Đường thủy nội địa: Trong tháng, ngành chức năng đã xử lý vi phạm qua Cổng dịch vụ công quốc gia 03 trường hợp vi phạm, thu nộp Kho bạc Nhà nước 1,5 triệu đồng. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, xử lý 11 trường hợp vi phạm đường thủy, thu nộp ngân sách Nhà nước 7,5 triệu đồng. So cùng kỳ giảm 13 vụ vi phạm và số tiền thu nộp ngân sách giảm 43,3 triệu đồng.

Công tác quản lý phương tiện giao thông: Trong tháng 5/2023, toàn tỉnh cấp đăng ký mới cho 2.279 phương tiện. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, tổng số phương tiện đăng ký mới trên địa bàn tỉnh là 970.508 xe. So với cùng kỳ, tổng số phương tiện đăng ký mới tăng 41.566 xe (+4,47%).

7. Tình hình cháy nổ

Tính từ ngày 16/4/2023 đến 15/5/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy (tại TP Thái Nguyên 01 vụ, TP Phổ Yên 01 vụ và huyện Võ Nhai 01 vụ), tương đương cùng kỳ. Các vụ cháy đều không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 3.117 triệu đồng. Nguyên nhân cháy đang được ngành chức năng đang điều tra làm rõ. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 21 vụ cháy gây thiệt hại 4.024 triệu đồng.

8. Vi phạm môi trường

Trong tháng 5/2023 (tính từ ngày 17/4/2023 đến ngày 18/5/2023) trên địa bàn tỉnh phát hiện và xử lý 01 vụ vi phạm môi trường (tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2022); số tiền xử phạt là 180,6 triệu đồng.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh phát hiện và xử lý 02 vụ vi phạm môi trường, số tiền xử phạt là 530,6 triệu đồng. So với cùng kỳ, số vụ vi phạm đã phát hiện và đã xử lý giảm 08 vụ và số tiền xử phạt vi phạm giảm 15,4 triệu đồng.

9. Công tác phòng chống thiên tai

Tính từ đầu năm đến ngày 19/5/2023, trên địa bàn xảy ra 02 đợt thiên tai tại TP Thái Nguyên, TP Sông Công, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa và huyện Phú Lương; không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 13,87 tỷ đồng¹⁶. Ngay sau khi có sự cố xảy ra, ngành chức năng của tỉnh và địa phương đã kịp thời triển khai công tác khắc phục sự cố, hỗ trợ, động viên các gia đình bị thiệt hại, đảm bảo cuộc sống cho Nhân dân.

Đánh giá chung, trong tháng 5/2023 một số chỉ tiêu kinh tế có sự cải thiện so với tháng trước và duy trì tăng trưởng khá như: Chỉ số sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, vận tải kho bãi; bên cạnh đó sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo kế hoạch mùa vụ; chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong quý II/2023. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro, cầu giảm, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, nhất là các thị trường lớn; giá một số mặt hàng chiến lược, nguyên vật liệu đầu vào không ổn định... sẽ là những nguyên nhân ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Trước mắt có thể thấy, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của tỉnh liên tiếp 3 tháng giảm sâu so với cùng kỳ sẽ tác động trực tiếp đến sản xuất công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo – vốn là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Do vậy, để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm 2023, các cấp, các ngành, các địa phương của tỉnh cần tiếp tục chủ động, theo dõi, bám sát tình hình thực tế để tham mưu, điều hành linh hoạt, ứng phó kịp thời với các hình huống phát sinh,

¹⁶Theo kết quả thống kê sơ bộ, có 1.199 nhà bị tốc mái và bị ảnh hưởng bởi giông lốc; khoảng 673,22 ha lúa, ngô, rau màu bị thiệt hại; chết 02 con lợn và 1.400 con gà; làm hỏng 02 trạm biến áp 01 trạm bơm bị ngập và thiệt hại một số tài sản khác...

tập trung triển khai hiệu quả đồng bộ các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, cần có giải pháp hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp thiếu vốn, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, động viên, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp mới sớm đi vào ổn định sản xuất để tăng năng lực mới cho nền kinh tế...

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang